

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VIỆT TUỒNG LÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VIỆT TUỒNG LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET TUONG LAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109994695

3. Ngày thành lập: 12/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 12 ngách 63/180/46 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983049001

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4634
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha. (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4661
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663

10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4669
11.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
12.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
13.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
14.	Chăn nuôi gia cầm	0146
15.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0149
16.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
17.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
19.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
20.	Khai thác gỗ (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0220
21.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
22.	Khai thác và thu gom than cứng (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0510
23.	Khai thác và thu gom than non (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299

25.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (Điều 86 Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi bổ sung 2010) (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật)	6622
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
31.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn. - Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả. - Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,... - Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả); - Rang các loại hạt; - Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt. - Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng; - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông. - Chế biến và sản xuất hạt điều xuất khẩu	1030
32.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
33.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
34.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	1080
35.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932

37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
38.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ - Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa. (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics).	5022
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	5210
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: - Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); - Dịch vụ kỹ thuật hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng); (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5223
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan). (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics). - Dịch vụ vận tải đa phương thức. (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics)	5229
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Đại lý du lịch	7911
47.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa (Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912

48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ VÂN	Số 1B ngõ 358/55/3 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.0 00	25.000.000.000	25,000	0341970030 66	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500.0 00	25.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN TUẤN MẠNH	Số 10 A ngõ 531/40/1 tổ 8 Bát Khối, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000	0340890006 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000		

3	HỒ THỊ NAM	Ngõ 63, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	25,000	040196012842
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/04/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034089000647

Ngày cấp: 27/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lục Bắc, Xã Thái Xuyên, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 A ngõ 531/40/1 tổ 8 Bát Khối, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội